

# Bảng câu hỏi khảo sát về việc học tiếng Nhật.(dành cho người lớn)

## [Câu 1] Giới tính của bạn.

Nam       Nữ       Khác (Tôi không thể nói · Tôi không muốn trả lời)

## [Câu 2] Độ tuổi

Dưới 19 tuổi       Từ 20 ~29 tuổi       Từ 30 ~39 tuổi       Từ 40 ~49 tuổi  
 Từ 50 ~59 tuổi       Từ 60 ~69 tuổi       Trên 70 tuổi

## [Câu 3] Sinh sống ở Quận

Quận ( ) Thành Phố Yokohama.\*

\* Hãy xem địa chỉ ở thẻ ngoại kiều nếu không biết tên Quận đang sinh sống.

Sống ở ngoài Thành Phố Yokohama.

## [Câu 4] Quốc gia · Địa phương xuất thân.

<input type="checkbox"/> Trung Quốc	<input type="checkbox"/> Hàn Quốc	<input type="checkbox"/> Việt Nam	<input type="checkbox"/> Philippines	<input type="checkbox"/> Nepal
<input type="checkbox"/> Ấn độ	<input type="checkbox"/> Indonesia	<input type="checkbox"/> Đài Loan	<input type="checkbox"/> Brazil	<input type="checkbox"/> Mỹ
<input type="checkbox"/> Quốc gia khác ( )				

## [Câu 5] Ngôn ngữ (Chọn nhiều câu cũng được)

\* Những ngôn ngữ có thể nói mà không cần thông dịch.

<input type="checkbox"/> Tiếng Anh	<input type="checkbox"/> Tiếng Trung Quốc	<input type="checkbox"/> Tiếng Hàn Quốc	<input type="checkbox"/> Tiếng Tây Ban Nha
<input type="checkbox"/> Tiếng Bồ Đào Nha	<input type="checkbox"/> Tiếng Tagalog	<input type="checkbox"/> Tiếng Việt Nam	<input type="checkbox"/> Tiếng Nepal
<input type="checkbox"/> Tiếng Indonesia	<input type="checkbox"/> Tiếng Thái Lan	<input type="checkbox"/> Khác ( )	

## [Câu 6] Tư cách lưu trú hiện tại. (Chỉ chọn 1 câu)

<input type="checkbox"/> Vĩnh trú	<input type="checkbox"/> Visa kỹ thuật · Tri thức Nhân Văn · Nghiệp vụ quốc tế.
<input type="checkbox"/> Visa đoàn tụ gia đình.	<input type="checkbox"/> Vĩnh trú đặc biệt. <input type="checkbox"/> Thường trú (cư trú dài hạn)
<input type="checkbox"/> Có vợ/chồng là người Nhật.	<input type="checkbox"/> Có vợ / chồng là người có tư cách vĩnh trú.
<input type="checkbox"/> Visa kỹ năng đặc định.	<input type="checkbox"/> Thực tập kỹ thuật <input type="checkbox"/> Visa du học.
<input type="checkbox"/> Quốc tịch Nhật Bản.	<input type="checkbox"/> Không biết
<input type="checkbox"/> Khác ( )	

## [Câu 7] Thời gian sống ở Nhật (tổng cộng)

<input type="checkbox"/> Dưới 6 tháng	<input type="checkbox"/> Trong khoảng từ 7 tháng~1 năm
<input type="checkbox"/> Trong khoảng từ 2~3 năm.	<input type="checkbox"/> Trong khoảng từ 4~5 năm.
<input type="checkbox"/> Trên 6 năm ( khoảng năm)	

## [Câu 8] Ở Nhật bạn sống cùng với ai ? (Chọn nhiều câu cũng được)

<input type="checkbox"/> Sống một mình.	<input type="checkbox"/> Vợ/ chồng · Bạn đời · Người yêu	<input type="checkbox"/> Con cái
<input type="checkbox"/> Bố Mẹ	<input type="checkbox"/> Anh chị em	<input type="checkbox"/> Cháu nội/ngoại
<input type="checkbox"/> Người thân khác	<input type="checkbox"/> Bạn làm chung công ty.	<input type="checkbox"/> Cùng với bạn.
<input type="checkbox"/> Khác ( )		

**[Câu 9] Nghề nghiệp (Chọn nhiều câu cũng được)**

- Doanh nhân  
 Nhân viên công ty · Nhà nước · Đoàn thể (tất cả thời gian)  
 Nhân viên hợp đồng · Nhân viên tạm thời  
 Tự kinh doanh · Kinh doanh tự do · Nghề tự do  
 Làm việc bán thời gian.       Học sinh       Nội trợ       Thất nghiệp.  
 Khác ( )

\* Hãy cho biết công việc cụ thể đối với người đang làm

**[Câu 10] Từ bây giờ bạn dự định sống ở Nhật bao lâu.**

- Trong vòng 1 năm       Từ 2~3 năm       Từ 4~5 năm       Trên 6 năm  
 Mãi mãi · Mãi mãi nếu có thể       Cũng không biết nữa.

**[Câu 11] Hiện tại bạn có thể nói tiếng Nhật ở mức độ nào?**

Nói · Nghe (Chỉ chọn 1 câu)	<input type="checkbox"/> Có thể nghe hiểu giống như người Nhật. <input type="checkbox"/> Có thể nghe, hiểu nên không gặp khó khăn trong cuộc sống. <input type="checkbox"/> Có thể trả lời những câu hỏi đơn giản bằng từ vựng. <input type="checkbox"/> Hầu như không thể nghe hiểu và nói tiếng Nhật.
Đọc (Chỉ chọn 1 câu)	<input type="checkbox"/> Có thể đọc ( báo, tiểu thuyết ) tốt tiếng Nhật như người bản ngữ. <input type="checkbox"/> Có thể đọc các câu văn ngắn như email và tờ rơi. <input type="checkbox"/> Có thể đọc chữ Hiragana, Katakana, chữ Hán đơn giản. <input type="checkbox"/> Có thể đọc được một số từ bằng chữ Hiragana, Katakana. <input type="checkbox"/> Hầu như không thể đọc tiếng Nhật.
Viết (Chỉ chọn 1 câu)	<input type="checkbox"/> Có thể viết (chữ Hán, chữ Hiragana v.v) giống như người Nhật. <input type="checkbox"/> Có thể viết chữ Hiragana, Katakana và chữ Kanji đơn giản. <input type="checkbox"/> Có thể viết được chữ Hiragana, Katakana <input type="checkbox"/> Hầu như không thể viết tiếng Nhật.

**[Câu 12] Cho đến nay, bạn đã học tiếng Nhật bằng cách nào?****(Chọn nhiều câu cũng được)**

- Tự mình học (tự học)       Từ gia đình hoặc bạn bè thân thiết.  
 Học ở trường tiếng Nhật trước khi đến Nhật.  
 Học ở trường trước khi đến Nhật ( Trường Đại Học v.v. ngoài trường dạy tiếng Nhật)  
 Học tại trường dạy tiếng Nhật ở Nhật.  
 Học ở trường tiểu học, trung học Nhật Bản v.v.  
 Học ở nơi làm trước khi đến Nhật.       Học tại nơi làm ở Nhật.  
 Học ở lớp học trực tuyến.       Học ở lớp học tiếng Nhật khác.  
 Chưa từng học ở lớp tiếng Nhật nào khác ngoài lớp học này.  
 Khác ( )

**[Câu 13] Bạn đã làm được gì sau khi học tiếng Nhật? (Chọn nhiều câu cũng được)**

- |   |  |
|---|--|
| <input type="checkbox"/> Giao tiếp ( Nghe · nói )   | <input type="checkbox"/> Đọc viết ( chữ Hán , ngữ pháp )           |
| <input type="checkbox"/> Hiểu được các thông tin cần thiết trong cuộc sống.   |  |
| <input type="checkbox"/> Công việc ( Xin việc làm · chuyển việc, thăng tiến )   |  |
| <input type="checkbox"/> Tìm hiểu về văn hóa và phong tục Nhật Bản.   |  |
| <input type="checkbox"/> Giao tiếp với người Nhật.  | <input type="checkbox"/> Tham gia cộng đồng .                      |
| <input type="checkbox"/> Giao lưu với người nước ngoài.   | <input type="checkbox"/> Chăm sóc và giáo dục con cái.             |
| <input type="checkbox"/> Bị bệnh.   | <input type="checkbox"/> Có thể tự mình làm các thủ tục, hợp đồng. |
| <input type="checkbox"/> Luyện thi năng lực tiếng Nhật (JLPT)   |  |
| <input type="checkbox"/> Luyện thi các kỳ thi khác ngoài kỳ thi năng lực tiếng Nhật<br>( Thi tuyển sinh, thi lấy bằng cấp ) |  |
| <input type="checkbox"/> Không có mục tiêu rõ ràng.   | <input type="checkbox"/> Khác ( )                                  |

**[Câu 14] Lý do tại sao bạn chọn lớp học này? (Chọn nhiều câu cũng được)**

- |  |   |
|--|---|
| <input type="checkbox"/> Bởi vì có ngày · thời gian phù hợp.               | <input type="checkbox"/> Bởi vì lớp học nằm ở vị trí dễ đi lại.     |
| <input type="checkbox"/> Bởi vì được miễn phí (hoặc phí rất rẻ)            | <input type="checkbox"/> Bởi vì có thể dẫn theo con đi cùng.        |
| <input type="checkbox"/> Bởi vì cảm thấy ấm cúng, thoải mái.               |   |
| <input type="checkbox"/> Bởi vì người trong gia đình đang (đã) đi học.     |   |
| <input type="checkbox"/> Bởi vì có bạn đang học ở đây.                     |   |
| <input type="checkbox"/> Bởi vì có thể nói chuyện với người nước ngoài.    |   |
| <input type="checkbox"/> Bởi vì có thể tham gia các sự kiện.               |   |
| <input type="checkbox"/> Bởi vì phù hợp với trình độ tiếng Nhật của tôi.   |   |
| <input type="checkbox"/> Bởi vì có tài liệu và chương trình giảng dạy tốt. |   |
| <input type="checkbox"/> Bởi vì có thể học trực tuyến.                     | <input type="checkbox"/> Bởi vì có thể học một thầy một trò.        |
| <input type="checkbox"/> Bởi vì được gia đình chọn.                        | <input type="checkbox"/> Bởi vì thầy cô dạy theo mong muốn của tôi. |
| <input type="checkbox"/> Bởi vì không có nơi khác để học.                  |   |
| <input type="checkbox"/> Khác ( )  |   |

**[Câu 15] Bạn đã tham gia lớp học tiếng Nhật được bao lâu? ((Chỉ chọn 1 câu))**

\* Bao gồm các lớp học khác ngoài lớp học này.

- |   |  |
|---|--|
| <input type="checkbox"/> Trong vòng nửa năm.          | <input type="checkbox"/> Khoảng 1 năm. |
| <input type="checkbox"/> Lâu hơn nữa, khoảng ( ) năm. |  |

**[Câu 16] Số buổi học tiếng Nhật của bạn ? (Chỉ chọn 1 câu)**

\*Đối với người tham gia nhiều lớp học thì tính tổng cộng.

- |   |   |   |
|---|---|---|
| <input type="checkbox"/> Từ 1 ~3 buổi 1 tháng.      | <input type="checkbox"/> Khoảng 1 buổi 1 tuần | <input type="checkbox"/> Khoảng 2 buổi 1 tuần |
| <input type="checkbox"/> Khoảng trên 3 buổi 1 tuần. | <input type="checkbox"/> Không ổn định        |   |
| <input type="checkbox"/> Khác ( )                   |   |   |

**[Câu 17] Bạn đến lớp học tiếng Nhật bằng phương tiện gì?****(Chọn nhiều câu cũng được)**

- |  |   |
|--|---|
| <input type="checkbox"/> Đi bộ           | <input type="checkbox"/> Đi bằng xe đạp hay xe máy.       |
| <input type="checkbox"/> Đi bằng xe buýt | <input type="checkbox"/> Đi bằng tàu điện, tàu điện ngầm. |
| <input type="checkbox"/> Khác ( )        |   |

**[Câu 18] Hiệu quả tốt khi tham gia lớp học tiếng Nhật này là gì?****(Chọn nhiều câu cũng được)**

- Biết trò chuyện bằng tiếng Nhật.       Biết đọc và viết tiếng Nhật giỏi hơn.  
 Đã đậu kỳ thi năng lực tiếng Nhật (JLPT v.v)  
 Việc tiếp thu thông tin cần thiết cho cuộc sống trở nên dễ dàng hơn.  
 Giúp làm việc trở nên dễ dàng hơn.  
 Giúp hiểu hơn về nước Nhật (thành phố Yokohama)  
 Học tiếng Nhật thật thú vị.       Có các sự kiện và hoạt động thú vị.  
 Có thêm nhiều người quen là người Nhật.  
 Có thể kết bạn với người cùng học tiếng Nhật.  
 Là nơi cảm thấy thoải mái, an tâm, ngoài nhà mình hay nơi làm.  
 Là nơi có thể chia sẻ khó khăn.       Không có ý kiến • cũng không biết nữa.  
 Khác ( )

**[Câu 19] Bạn có gặp khó khăn hay lo lắng nào khác ngoài việc học tiếng Nhật không? (Chọn nhiều câu cũng được)**

- Về nơi ở       Về công việc.       Về tiền bạc.  
 Về tình yêu, kết hôn, ly hôn.  Mang thai, sinh con.       Nuôi dạy con cái.  
 Giáo dục trẻ em.       Sức khỏe bản thân.  
 Sức khỏe người thân trong gia đình.  
 Chăm sóc điều dưỡng.       Bảo hiểm, lương hưu.       Thuế.  
 Những quy tắc trong cuộc sống như cách vứt rác.       Về bằng lái xe ô tô.  
 Về luật lệ giao thông.       Về tư cách lưu trú.       Bị cô lập, cô đơn.  
 Bị phân biệt đối xử, định kiến.  Không có ý kiến  
 Khác ( )

**[Câu 20] Điều gì bạn muốn làm, có thể làm giúp ích ở địa phương ?  
(Chọn nhiều câu cũng được)**

- Chỉ dạy tiếng Nhật, cuộc sống và phong tục ở Nhật cho người nước ngoài mới đến Nhật.  
 Giới thiệu về đất nước và văn hóa của mình.  
 Tham gia các lễ hội và sự kiện ở địa phương để được giao lưu với nhiều người khác nhau.  
 Muốn tham gia các hoạt động tình nguyện.( )  
 Muốn trở nên hữu ích hơn thông qua công việc của mình.  
 Cũng không biết nữa.       Không có ý kiến  
 Khác ( )

**[Câu 21] Bạn nghĩ nên làm gì để tạo điều kiện thuận lợi hơn cho người nước ngoài ở thành phố Yokohama?**

Bảng câu hỏi khảo sát kết thúc tại đây. Cảm ơn bạn đã hợp tác.